

Số: 96/2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về mẫu biểu và việc sử dụng mẫu biểu trong công tác quyết toán gồm:

1. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ).
2. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành (không bao gồm các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, thực hiện hoặc có liên quan đến công tác quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Điều 3. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán theo niên độ

1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách: Mẫu số 01/QTND.

2. Báo cáo về việc thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước (do Quốc hội quyết định) của chủ đầu tư: Mẫu số 02/QTND.

3. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách của bộ, cơ quan trung ương: Mẫu số 03/QTND.

4. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý: Mẫu số 04/QTND.

5. Báo cáo về việc thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước (do Quốc hội quyết định) của cơ quan chủ quản: Mẫu số 05/QTND.

6. Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách: Mẫu số 06/QTND.

7. Báo cáo chi tiết quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách: Mẫu số 07/QTND.

8. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các địa phương theo năm ngân sách: Mẫu số 08/QTND.

9. Thông báo thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách: Mẫu số 09/QTND.

Điều 4. Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Thông tin, số liệu được lấy tại thời điểm chủ đầu tư khóa sổ lập báo cáo quyết toán.

1. Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Mẫu số 01/QTDA.

2. Danh mục văn bản: Mẫu số 02/QTDA.

3. Bảng đối chiếu số liệu: Mẫu số 03/QTDA.

4. Chi tiết chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: Mẫu số 04/QTDA.

5. Chi tiết tài sản dài hạn (tài sản cố định) mới tăng: Mẫu số 05/QTDA.
6. Chi tiết tài sản ngắn hạn: Mẫu số 06/QTDA.
7. Chi tiết giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: Mẫu số 07/QTDA.
8. Tình hình công nợ của dự án: Mẫu số 08/QTDA.
9. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án sử dụng vốn đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu: Mẫu số 09/QTDA.
10. Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành: Mẫu số 10/QTDA.
11. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án (dự án thành phần, tiêu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) hoàn thành: Mẫu số 11/QTDA.
12. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hàng năm: Mẫu số 12/QTDA.
13. Phiếu giao nhận Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Mẫu số 13/QTDA.
14. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý): Mẫu số 14/QTDA.
15. Bảng đối chiếu số liệu (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý): Mẫu số 15/QTDA.

Điều 5. Sử dụng mẫu biểu

1. Đối với quyết toán theo niên độ:

a) Chủ đầu tư đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, báo cáo theo Mẫu số 01/QTND (có xác nhận của cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch), Mẫu số 02/QTND gửi bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý), sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.

b) Các bộ, cơ quan trung ương đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương theo quy định tại điểm

b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, báo cáo theo Mẫu số 03/QTND (có xác nhận của cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương), Mẫu số 05/QTND gửi Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

c) Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, báo cáo theo Mẫu số 04/QTND (có xác nhận của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp), Mẫu số 05/QTND gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

d) Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do bộ, cơ quan trung ương quản lý:

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện báo cáo theo Mẫu số 06/QTND, Mẫu số 07/QTND gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh;

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh báo cáo theo Mẫu số 06/QTND, Mẫu số 07/QTND gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương;

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương báo cáo theo Mẫu số 06/QTND, Mẫu số 07/QTND gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

Thời hạn gửi báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

đ) Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý:

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện báo cáo theo Mẫu số 08/QTND gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh để làm căn cứ thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh báo cáo theo Mẫu số 08/QTND gửi Sở Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương để làm căn cứ thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

Thời hạn gửi báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

e) Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện báo cáo theo Mẫu số 08/QTNĐ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh để làm căn cứ thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

g) Cơ quan tài chính các cấp theo phân cấp quản lý thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ theo quy định tại Điều 29, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và thông báo theo Mẫu số 09/QTNĐ.

h) Sở Tài chính báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý theo Mẫu số 04/QTNĐ gửi Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương để phục vụ công tác quyết toán theo niên độ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

i) Các bộ, cơ quan trung ương, các Sở Tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương gửi báo cáo quyết toán theo niên độ về Bộ Tài chính và gửi dữ liệu về hòm thư điện tử vudautu@mof.gov.vn (trừ các nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

2. Đối với quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với dự án (dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: báo cáo theo Mẫu số 01/QTDA, Mẫu số 02/QTDA, Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 04/QTDA, Mẫu số 05/QTDA, Mẫu số 06/QTDA, Mẫu số 07/QTDA, Mẫu số 08/QTDA.

b) Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: báo cáo theo Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 08/QTDA, Mẫu số 09/QTDA.

c) Đối với dự án thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: báo cáo theo Mẫu số 14/QTDA và Mẫu số 15/QTDA (hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

d) Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: theo Mẫu số 10/QTDA.

đ) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: theo Mẫu số 11/QTDA.

e) Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: Mẫu số 12/QTDA gửi Bộ Tài chính và gửi dữ liệu về hòm thư điện tử vudautu@mof.gov.vn (trừ các nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Điều 6. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
2. Bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính:
 - a) Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.
 - b) Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.
 - c) Thông tư số 85/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.
 - d) Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.
 - đ) Mục VI Thông tư số 138/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Kiểm toán Nhà nước và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐT (290).ae

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Anh Tuấn

CHỦ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH ...

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm phân vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân		Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân		Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành				Vốn tạm ứng	Tổng số						Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng
1	TỔNG SỐ	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+11+17
	<i>Vốn trong nước</i>																						
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	1 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	2 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	A.1 Các dự án thuộc kế hoạch năm 20...:																						
	1 Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực:																						
	1 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	<i>Vốn trong nước</i>																						
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án ...																						
	<i>Vốn trong nước</i>																						
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	2 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	II Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																						
	<i>Vốn trong nước</i>																						
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	1 Chương trình mục tiêu quốc gia...																						
	Dự án ...																						
	<i>Vốn trong nước</i>																						
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	2 Chương trình mục tiêu quốc gia...																						
	III Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																						
	1 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	Dự án...																						
	2 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phân vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán								
					Tổng số	Trong đó vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán				
												Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng						Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+11+17
A 2	Các dự án không ghi kế hoạch năm 20... còn dư vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm quyết toán:																						
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực:																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																						
II	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia.																						
	Dự án ...																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Chương trình mục tiêu quốc gia.																						

Ghi chú:

- Chủ đầu tư báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016

ngày .. tháng .. năm ..
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

.. ngày .. tháng .. năm ..
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN NỘI GIAO DỊCH
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 02/QTND

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH)
NĂM...

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ..)

Đơn vị: đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt (lấy theo giá trị điều chỉnh cuối cùng)	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Lũy kế kế hoạch đã bổ trí đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Kế hoạch năm ...	Vốn đã giải ngân theo kế hoạch năm...			So sánh thực hiện/kế hoạch (%)
							Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=8/7
	TỔNG SỐ									
1	Dự án ..									
2	Dự án ..									

..., ngày ... tháng ... năm ...
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH ...

(Kèm theo văn bản số . ngày . tháng . năm ... của ...)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phân theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán				Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán				Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ...	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán					
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (1)			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân		Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân					Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)				
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành				Vốn tạm ứng	Tổng số					Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7+8+13+19	24=6+9+11+17	
	TỔNG SỐ																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	- Theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																							
	1 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																							
	2 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																							
	A Các dự án thuộc kế hoạch năm 20...																							
	I Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực:																							
	1 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
	Dự án ..																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
	2 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																							
	II Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
	1 Chương trình mục tiêu quốc gia.																							
	Dự án ..																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
	2 Chương trình mục tiêu quốc gia...																							
	III Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																							
	1 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																							
	Dự án ..																							
	2 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																							
	A 2 Các dự án không được ghi kế hoạch năm 20... còn dự vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm 20...:																							
	I Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực:																							

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lực kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán				Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán				Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn (tính được quyết toán trong năm ..	Lực kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lịch kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán	
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (1)			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch năm quyết toán	Tổng số	Giải ngân					Số vốn còn lại chưa giải ngân huy bỏ (nếu có)
										Vốn tạm ứng	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
	Dự án...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																			
II	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia...																			
	Dự án...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia...																			

Ghi chú.

- Cơ quan báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016

..., ngày .. tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN CẤP TRUNG ƯƠNG
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

..., ngày .. tháng .. năm ..
LÃNH ĐẠO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
 (Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH ... DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán			Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giám công đến hết năm ngân sách năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm công đến hết năm quyết toán	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán	
				Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giám công đến hết năm ngân sách năm quyết toán		Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
									Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15	16=17+18	17	18	19	20	21=6+11+17	22=6.7.8+12+18	23=5-7+10+16
TỔNG SỐ																						
Vốn trong nước																						
Vốn nước ngoài, trong đó:																						
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																						
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1 Vốn cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)																						
a Cấp tỉnh																						
Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																						
Dự án ..																						
b Cấp huyện																						
Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																						
Dự án ..																						
c Cấp xã																						
Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																						
Dự án ..																						
2 Vốn ngân sách trung ương																						
Vốn trong nước																						
Vốn nước ngoài, trong đó:																						
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																						
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2.1 Vốn ngân sách trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực																						
a Vốn trong nước																						
Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																						
Dự án ..																						
b Vốn nước ngoài																						
(1) Theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																						
Dự án ..																						
(2) Theo cơ chế tài chính trong nước																						
Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																						
Dự án ..																						
2.2 Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																						
Vốn trong nước																						
Vốn nước ngoài, trong đó:																						
- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																						
- Theo cơ chế tài chính trong nước																						
2.2.1 Chương trình MTQG:																						
Dự án ..																						

Số TT	Nội dung	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giám trong năm quyết toán	Thanh toán hoàn thành trong năm quyết toán ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn (tính được quyết toán trong năm ...)	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
				Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
									Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành					Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)
1	1	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15	16=17+18	17	18	19	20	21=8+11+17	22=6-7-8+12+18	23=24+25
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																					
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																					
2.2.2	Chương trình MTOG ...																					
2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao																					
	Nguồn vốn:																					
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
	Dự án ...																					

Ghi chú.

- Sơ Tài chính báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016.
- Đối với báo cáo của Sơ Tài chính giữ Bộ Tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương theo quy định của điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư này thì bộ phận xác nhận của Lãnh đạo cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp
- Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn hỗ trợ từ nguồn dự phòng, tăng thu...

, ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN CẤP CÙNG CẤP
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

, ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN BÁO CÁO
 (Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 05/QTND

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN BÁO CÁO

THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH)
NĂM...

(Kèm theo công văn số . . ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị: đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt (lấy theo giá trị điều chỉnh cuối cùng)	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Lũy kế kế hoạch đã bố trí đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Kế hoạch năm ...	Vốn đã giải ngân theo kế hoạch năm...			So sánh thực hiện/kế hoạch (%)
							Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=8/7
TỔNG SỐ										
1	Dự án...									
2	Dự án...									

..., ngày ... tháng ... năm ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO NĂM NGÂN SÁCH ...

(Kèm theo công văn số ... ngày .. tháng năm của .)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
		Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)						
							Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng							
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=7-8-11	13	14=15+16	15	16	17	18=13-14-17	19=6+9+15	20=4-5-6+10+16	21=3-5+8+14	
TỔNG SỐ																					
Vốn trong nước																					
Vốn nước ngoài, trong đó:																					
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
A	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực																				
<i>Vốn trong nước</i>																					
<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																					
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
B	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																				
<i>Vốn trong nước</i>																					
<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																					
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
C	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																				
BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG...																					
<i>Vốn trong nước</i>																					
<i>Vốn nước ngoài</i>																					
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
a	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực																				
<i>Vốn trong nước</i>																					
<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																					
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					

Số TT	Nội dung	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ..	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
		Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
							Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Tổng số		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=7-8-11	13	14=15+16	15	16	17	18=13-14-17	19=6+9+15	20=4-5-6+10+16	21=3-5+8+14
b	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																			
	<i>Vốn trong nước</i>																			
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó</i>																			
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
c	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																			
	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG...																			

Ghi chú:

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán bảo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016

... ngày ... tháng ... năm ..
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 07/QTNĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021 TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

BÁO CÁO CHI TIẾT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO NĂM NGÂN SÁCH ...

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phân vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ...	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
			Tổng số	Trong đó vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
								Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13=8-9-12	14	15=16+17	16	17	18	19=14-15-18	20=7+10+16	21=5-6-7+11+17	22=4-6+9+15
	TỔNG SỐ																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
A	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
B	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
C	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																				
	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ...																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
a	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực																				
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giám trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ...	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
			Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân		Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Tổng số	Giải ngân		Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)						
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng		Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)					
1			4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13=8-9-12	14	15=16+17	16	17	18	19=14-15-18	20=7+10+16	21=5-6-7+11+17	22=4-6+9+15
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
	Dự án																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
	Dự án..																				
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)																				
b	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia...																				
	Dự án																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
2	Chương trình mục tiêu quốc gia...																				
c	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																				
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																				
	Dự án																				
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ..																				
	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ...																				

Ghi chú:

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016.

..., ngày ... tháng ... năm ..
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG NĂM NGÂN SÁCH 20...

(Kèm theo công văn số .. ngày .. tháng .. năm .. của ..)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giám trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ..	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán	
			Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Giải ngân				Số vốn con lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)						
							Vốn kế hoạch được kéo dài	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13=8-9-12	14	15=16+17	16	17	18	19=14-15-18	20=7+10+16	21=5-6-7+11+17	22=4-6+9+15	
	TỈNH/THÀNH PHỐ...																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
A	Vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)																					
	Cấp tỉnh																					
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
	Dự án																					
	Cấp huyện																					
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
	Dự án																					
	Cấp xã																					
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
	Dự án																					
B	Vốn ngân sách trung ương																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
b.1	Vốn ngân sách trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực																					
1	Vốn trong nước																					
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
	Dự án...																					
2	Vốn nước ngoài																					
(1)	Giai ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
	Dự án...																					
(2)	Giai ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																					
	Dự án...																					
b.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phân vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn đã thanh toán hoàn thành được quyết toán trong năm	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán					
			Tổng số	Trong đó, vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)									
								Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng				Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)				
8	9=10+11	10	11	12	13=8-9-12	14	15=16+17	16	17	18	19=14-15-18	20=7+10+16	21=5-6-7+11+17	22=1-6+9+15											
1	Chương trình mục tiêu quốc gia...																								
	Dự án																								
	Vốn trong nước																								
	Vốn nước ngoài, trong đó:																								
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																								
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																								
2	Chương trình mục tiêu quốc gia...																								
b.3	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao																								
	1 Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																								
	Nguồn vốn																								
	Dự án...																								

Ghi chú:

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thủ tục quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016
- Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn bổ sung từ nguồn dự phòng, tăng thu...

.., ngày tháng .. năm ..
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 09/QTND

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

**Thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước
theo năm ngân sách ... của ...**

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ ...

Sau khi thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách ... của ..., (Cơ quan tài chính) thông báo như sau:

1. Nhận xét chung:

Nhận xét về việc chấp hành thời gian, nội dung, biểu mẫu báo cáo.

2. Về nội dung cụ thể:

- Đánh giá sự phù hợp về kế hoạch, cơ cấu vốn và danh mục dự án giữa báo cáo quyết toán của cơ quan báo cáo với báo cáo quyết toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán.

- Xác định tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán; Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chuyển sang năm sau; Tổng số vốn được kéo dài thời hạn giải ngân sang năm sau; Vốn huỷ bỏ trong năm ngân sách (nếu có).

- Xác định số vốn được quyết toán trong năm ngân sách.

- Các nội dung khác (nếu có).

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

3. Kiến nghị: ...

Nơi nhận:

- ...
- Cơ quan kiểm soát, thanh toán ...;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

THÔNG BÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH ...
 (Kèm theo Thông báo số. ngày . tháng . năm . của)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khối công đến hết nửa độ năm trước			Kế hoạch các năm trước được chuyển sang năm...	Giải ngân vốn kế hoạch các năm trước chuyển sang năm .					Kế hoạch năm...	Giải ngân vốn kế hoạch năm.					Tổng số vốn quyết toán ngân sách năm...	Lấy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chuyển sang năm sau	Tổng số vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Tổng số vốn kế hoạch còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (hủy dự toán)
		Tổng số	Trong đó: thanh toán khôi tương hoàn thành trong năm...	Nộp giảm tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước trong năm...		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Vốn kế hoạch hủy bỏ		Tổng số	Thanh toán khối tương hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Vốn kế hoạch hủy bỏ				
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=6-7-10	12	13=14+15	14	15	16	17=12-13-16	18=4+8+14	19=(3-4-5)+9+15	20=10+16	21=11+17
	BỘ .																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
I	Vốn cấp qua Kho bạc Nhà nước (bao gồm cả vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao; không bao gồm Chương trình mục tiêu Quốc gia)																			
1	Ngành, lĩnh vực . (mã ngành, lĩnh vực)																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
2	Ngành, lĩnh vực ... (mã ngành, lĩnh vực)																			
II	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
III	Vốn cấp bằng lệnh chi tiền																			
1	Ngành, lĩnh vực . (mã ngành, lĩnh vực)																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																			
2	Ngành, lĩnh vực . (mã ngành, lĩnh vực)																			

Mẫu số 01/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (nếu có): ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên công trình, hạng mục công trình độc lập (nếu có): ...; Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối ... đồng.

- Chủ đầu tư: ...

I. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
	Tổng cộng			
1	Vốn đầu tư công			
1.1	Vốn ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn ... + Vốn ... - Vốn ngân sách địa phương			
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật			
2	Vốn khác (nếu có):			
2.1	Vốn ...			
2.2	Vốn ...			



II. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đề nghị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5 = 4-3
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Dự phòng			

III. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Số TT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

IV. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng;
- Chi phí không tạo nên tài sản;

V. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

- Tình hình thực hiện dự án:
 - Thuận lợi, khó khăn;
 - Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được phê duyệt:
 - + Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, đấu thầu, vốn đầu tư, tổng mức đầu tư.
 - + Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, dự toán được phê duyệt.
 - + Những thay đổi về các nội dung chi phí đã thực hiện.
 - + Thay đổi khác.
- Nhận xét, đánh giá thực hiện dự án:
 - Chấp hành trình tự thủ tục quản lý dự án theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thực hiện dự án.
 - Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.
- Kiến nghị để giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có):

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
I	Các văn bản pháp lý			
1	...			
2	...			
3	...			
...				
II	Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng (nếu có)			
1	...			
2	...			
3	...			
...				
III	Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật (Trường hợp không có thì phải ghi cụ thể là "không có")			
	...			
1	...			
2	...			
3	...			
...				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU**

Tên dự án: ...

Mã dự án: ...

Tên công trình, hạng mục công trình độc lập: ... (trường hợp quyết toán công trình, hạng mục công trình độc lập).

Chủ đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...

I. Tình hình giải ngân:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu của chủ đầu tư				Số liệu của cơ quan kiểm soát, thanh toán				Chênh lệch	Ghi chú	
		Vốn kế hoạch	Số vốn đã giải ngân			Vốn kế hoạch	Số vốn đã giải ngân					
			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng			
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10	9	10	11=8-4	12	
1	Luỹ kế từ khởi công											
	- Vốn....											
	- Vốn....											
2	Chi tiết theo năm											
2.1	Năm ...											
	- Vốn....											
	- Vốn....											
2.2	Năm ...											
	- Vốn....											
	- Vốn....											

II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán:

1. Nhận xét về việc chấp hành các quy định của nhà nước liên quan đến giải ngân, quyết toán: ...

2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch số liệu (nếu có): ...

3. Kiến nghị: ...

Ngày ... tháng ... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
KIỂM SOÁT, THANH TOÁN**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối chiếu chi tiết vốn đã giải ngân đến thời điểm khóa sổ để lập báo cáo quyết toán của dự án. Trường hợp dự án có nhiều cơ quan kiểm soát, thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án

Mẫu số 04/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình) độc lập được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Dự toán (Tổng dự toán) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Nguyên nhân tăng, giảm
1	2	3	4	5	6
Tổng số					
I	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				
1	...				
...					
II	Xây dựng				
1	...				
...					
III	Thiết bị				
1	..				
...					
IV	Quản lý dự án				
V	Tư vấn				
1	..				
...					
VI	Chi phí khác				
1	..				
...					
VII	Dự phòng				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại cột 6 chủ đầu tư căn cứ các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, thanh tra, kiểm toán và các quy định khác của pháp luật liên quan đến thực hiện dự án để ghi rõ nguyên nhân tăng, giảm của cột 5 so với cột 3, 4 (chủ đầu tư ghi trực tiếp vào mẫu biểu hoặc lập thành Phụ lục riêng để ghi nội dung này)

Mẫu số 05/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT TÀI SẢN DÀI HẠN (TÀI SẢN CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG

Số TT	Tên và ký hiệu tài sản; quy mô, công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)	Ngày đưa tài sản dài hạn vào sử dụng	Loại vốn đầu tư hình thành tài sản	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1	...							
2	...							
...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHI TIẾT TÀI SẢN NGẮN HẠN

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Giá trị (đồng)	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1						
2						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể "không có" vào biểu.

Mẫu số 07/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT VẬT TƯ, THIẾT BỊ TỒN ĐỘNG

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị tiếp nhận hoặc xử lý theo quy định (nếu có)
I	Vật tư, thiết bị tồn động giao cho đơn vị tiếp nhận					
1						
2						
...						
II	Vật tư, thiết bị tồn động xử lý theo quy định					
1						
2						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày, ... tháng ... năm ...

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể "không có" vào biểu.



Mẫu số 08/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7 = 5-4	8
1							
2							
...							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể "không có" vào biểu.

Mẫu số: 09/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

Dự án: ...

(Dùng cho dự án quy hoạch, chuẩn bị đầu tư và dự án bị dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu)

I. Văn bản pháp lý:

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tên cơ quan ban hành
I	Hồ sơ pháp lý		
1	Quyết định phê duyệt dự án, dự toán		
2	Chủ trương lập quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án		
3	Văn bản phê duyệt đề cương (đối với nhiệm vụ quy hoạch)		
4	Văn bản phê duyệt dự toán chi phí		
5	Văn bản phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		
6	Văn bản cho phép huỷ bỏ hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn		
7	Các văn bản khác có liên quan		
	...		
II	Hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có)		
1	...		
...	...		
III	Kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật (trường hợp không có thì phải ghi cụ thể là "không có")		
1	...		
...	...		

II. Thực hiện đầu tư

1. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
	Tổng cộng			
1	Vốn đầu tư công			
1.1	Vốn ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn ... + Vốn ... - Vốn ngân sách địa phương			
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật			
2	Vốn khác (nếu có)			
2.1	Vốn...			
2.2	Vốn...			

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đề nghị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập), dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt phê hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5 = 4-3
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Dự phòng			

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư (nếu có):

Số TT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

5. Các nội dung khác: (nếu có).

III. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Thuận lợi, khó khăn:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được phê duyệt:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, đấu thầu, vốn đầu tư, tổng mức đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, dự toán được phê duyệt.

+ Những thay đổi về các nội dung chi phí đã thực hiện.

+ Thay đổi khác.

2. Nhận xét, đánh giá thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý dự án theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thực hiện dự án.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị để giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có):

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**ĐƠN VỊ TỔNG HỢP BÁO CÁO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BC-QTDA

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

**Kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư
dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Tên dự án: ...

Quyết định phê duyệt dự án: số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...

Quy mô công trình chính: ...

Thời gian khởi công - hoàn thành công trình chính: ... - ...

Tổng mức đầu tư được phê duyệt theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... là: ...

Tổng mức đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... là: ...

Đơn vị tổng hợp báo cáo (bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao quản lý dự án thành phần chính hoặc làm đầu mối tổng hợp dự án): ...

Đơn vị phê duyệt quyết toán các dự án thành phần, tiểu dự án, gồm: ...

Kết quả phê duyệt quyết toán toàn bộ dự án:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị	Số vốn đã giải ngân	Quyết định phê duyệt quyết toán			Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Giá trị được phê duyệt	Người ký, chức vụ	
	Tổng số								
1	Dự án chính								
	- ...								
	- ...								
2	Dự án thành phần, tiểu dự án								
	- ...								
	- ...								
3	Dự án thành phần, tiểu dự án								
	- ...								
	- ...								

Nơi nhận:

(Ghi theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ TỔNG HỢP BÁO CÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu số: 11/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành

- Tên dự án: ...

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành (nếu có): ...

- Chủ đầu tư: ...

- Địa điểm xây dựng: ...

- Thời gian (ngày, tháng, năm) khởi công, hoàn thành (thực tế): ... - ...

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		
2	Xây dựng		
3	Thiết bị		
4	Quản lý dự án		
5	Tư vấn		
6	Chi phí khác		
7	Dự phòng		

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7 = 5-4
	Tổng số					
1	Vốn đầu tư công					
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước					
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn ... + Vốn ... - Vốn ngân sách địa phương					
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
2	Vốn khác (nếu có)					
2.1	Vốn...					
2.2	Vốn...					

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý (nếu có)		Giao đơn vị khác quản lý (nếu có)	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số					
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)				
2	Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: ...

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: ...

5. Vật tư thiết bị tồn đọng (nếu có)

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số		
1	Vốn đầu tư công		
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước		
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn ... + Vốn ... - Vốn ngân sách địa phương		
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
2	Vốn khác (nếu có)		
2.1	Vốn ...		
2.2	Vốn ...		

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày ... tháng ... năm ...:

- Tổng nợ phải thu: ... đồng.

- Tổng nợ phải trả: ... đồng.

Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại phụ lục số ... kèm theo (nếu có).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản (nếu có)

Được phép ghi tăng tài sản: ...

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1			
2			
...			

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan.

4. Các nghiệp vụ khác (nếu có).

Điều 4: Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

(Ghi theo quy định tại Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v báo cáo tình hình quyết toán
vốn đầu tư công dự án hoàn thành
năm ...

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; ... (tên bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm ... như sau:

1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm báo cáo (chi tiết theo biểu đính kèm).
2. Tồn tại, vướng mắc trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: ...
3. Đề xuất và kiến nghị về công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị liên quan (nếu có);
- Lưu ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM ...

(Kèm theo văn bản số ...ngày ..tháng...năm... của...)

Đơn vị: tỷ đồng.

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương
1	2	3=4+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số dự án hoàn thành (I+II+III)																	
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (1+2)																	
1	Dự án hoàn thành các năm trước																	
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo																	
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (1+2)																	
	Phê duyệt																	
	Thẩm tra																	
1	Dự án hoàn thành các năm trước																	
	Phê duyệt																	
	Thẩm tra																	
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo																	
	Phê duyệt																	
	Thẩm tra																	
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán (1+2)																	
1	Dự án hoàn thành các năm trước																	
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo																	
B	Dự án hoàn thành ở địa phương theo phân cấp quản lý (1 +2 +3)																	
1	Dự án do cấp tỉnh quản lý																	
a	Phê duyệt																	
b	Thẩm tra																	
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán																	
2	Dự án do cấp huyện quản lý																	
a	Phê duyệt																	
b	Thẩm tra																	
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán																	
3	Dự án do cấp xã quản lý																	
a	Phê duyệt																	

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương
1	2	3=4+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
b	Thẩm tra																	
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán																	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên hệ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo của đơn vị được tổng hợp từ tất cả các dự án đầu tư công (gồm nhiệm vụ, dự án, dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành có quyết định phê duyệt riêng) hoàn thành do đơn vị mình quản lý. Không tổng hợp báo cáo công trình hạng mục công trình độc lập hoàn thành.
- Ở địa phương, báo cáo gồm tất cả các dự án đầu tư công hoàn thành thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp toàn bộ dự án đầu tư công hoàn thành gồm dự án do cấp huyện quản lý và dự án do cấp xã thuộc huyện quản lý gửi Sở Tài chính cấp tỉnh để tổng hợp và gửi cơ quan được giao chủ trì tổng hợp báo cáo do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.
- Cột 10 và cột 18: Chỉ báo cáo vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí.
- Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính.

BÁO CÁO CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HOÀN THÀNH NĂM ...

(Kèm theo văn bản số ...ngày...tháng...năm... của...)

Đơn vị: tỷ đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án, nhóm dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương			Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng số (A+B)												
	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (A.I + B.I)												
	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (A.II + B.II)												
	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán (A.III + B.III)												
A	Trong thời gian quyết toán theo quy định (I + II + III)												
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
B	Vi phạm quy định về thời gian quyết toán (I + II + III)												
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán												
1	Dự án...												

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án, nhóm dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khởi thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khởi thành hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương			Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên hệ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo của đơn vị được tổng hợp từ tất cả các dự án đầu tư công (gồm nhiệm vụ, dự án, dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành có quyết định phê duyệt riêng) có sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn ngân sách trung ương hoàn thành do đơn vị mình quản lý. Không tổng hợp báo cáo công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành.
- Ở địa phương, báo cáo gồm tất cả các dự án đầu tư công hoàn thành thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp toàn bộ dự án đầu tư công hoàn thành gồm dự án do cấp huyện quản lý và dự án do cấp xã thuộc huyện quản lý gửi Sở Tài chính cấp tỉnh để tổng hợp và gửi cơ quan được giao chủ trì tổng hợp báo cáo do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.
- Các dự án hoàn thành thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia. Chi báo cáo tổng số dự án có sử dụng (một phần hoặc toàn bộ) vốn ngân sách trung ương, theo thứ tự: (i). Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; (ii). Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; (iii). Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và thiểu số.
- Cột 3. Các dòng theo số thứ tự I, II, III và 3 ghi tổng số dự án; các dòng theo số thứ tự 1, 2 ghi chi tiết nhóm dự án (quan trọng quốc gia, A, B, C).
- Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính.
- Danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương theo đúng danh mục dự án được Thủ tướng Chính phủ giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 05 năm.

Mẫu số: 13/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ THẨM TRA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU GIAO NHẬN
Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

Chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án: ...

Tên dự án: ...

Mã dự án: ...

Dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình (nếu có):...

Tổng mức đầu tư, dự toán (công trình, hạng mục công trình) được phê duyệt: ...

Thời gian khởi công: ...

Thời gian hoàn thành: ...

Cấp quyết định phê duyệt dự án đầu tư: ...

Ngày lập báo cáo quyết toán: ngày... tháng ... năm ...

Ngày nộp hồ sơ: ngày... tháng ... năm ...

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hồ sơ đã nộp:		
1	Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của chủ đầu tư ngày ... tháng ... năm ...		
2	Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành gồm ... biểu báo cáo theo quy định		
3	Các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (ghi rõ số/ký hiệu nếu đề rời, ghi tổng số nếu đóng quyển)		
4	- Tập các hợp đồng: (ghi rõ số/ký hiệu nếu đề rời, ghi tổng số nếu đóng quyển). - Biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có): (ghi rõ của hợp đồng nào).		
5	Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, nghiệm thu lắp đặt thiết bị; Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án, công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng (ghi rõ số/ký hiệu nếu đề rời, ghi tổng số nếu đóng quyển).		
6	Quyết toán A-B, gồm có: ...		
7	- Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập (nếu có). - Ý kiến của chủ đầu tư về báo cáo kiểm toán độc lập.		
8	Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, Báo cáo kiểm toán của kiểm toán nhà nước (Trường hợp không có đề nghị ghi rõ trong tờ trình). - Báo cáo tình hình chấp hành kết luận.		
II	Hồ sơ còn thiếu:		
1			
...			
III	Hồ sơ đề nghị bổ sung:		
1			
...			

Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ nộp trước ngày ... tháng ... năm ...

Trong quá trình thẩm tra quyết toán, trường hợp phát hiện thiếu hồ sơ hoặc cần bổ sung hồ sơ, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. Thời gian thẩm tra quyết toán được tính từ khi nhận đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu

Hai bên thống nhất lập phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành với các nội dung trên đây./.

BÊN GIAO HỒ SƠ
(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

BÊN NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

Mẫu số: 14/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án đầu tư: ...;
- Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

1. Các văn bản pháp lý liên quan:

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	2	3	4	6
1				
2				
...				

1. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Theo quyết định đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
1	2	3	4	5
Tổng cộng				
1	Vốn đầu tư công			
1.1	Vốn ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương + Vốn... + Vốn ... - Vốn ngân sách địa phương			
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có)			
2	Vốn khác (nếu có)			
2.1	Vốn ...			
2.2	Vốn...			
Tổng cộng (1+2)				



3. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Nguyên nhân tăng, giảm của giá trị đề nghị quyết toán so với tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5 = 4-3
Tổng cộng:				
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư			
2	Chi phí xây dựng			
3	Chi phí thiết bị			
4	Chi phí quản lý dự án			
5	Chi phí tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Chi phí dự phòng			

Ghi chú: Tại cột 5 chủ đầu tư căn cứ các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, thanh tra, kiểm toán và các quy định khác của pháp luật liên quan đến thực hiện dự án để ghi rõ nguyên nhân tăng, giảm của cột 4 so với cột 3 (chủ đầu tư ghi trực tiếp vào mẫu biểu hoặc lập thành Phụ lục riêng để ghi nội dung này).

4. Giá trị tài sản cố định mới tăng: ...

5. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

5.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: ...

5.2. Chi phí không tạo nên tài sản: ...

6. Giá trị tài sản lưu động bàn giao: ...

7. Giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: ...

8. Tình hình giải ngân và công nợ của dự án: ...

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7 = 5-4	8
1							
2							
...							
Tổng cộng							

9. Thuyết minh, nhận xét, kiến nghị: ...

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BAN GIÁM

SÁT ĐẦU TƯ CỦA

CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 15/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: ...

Tên dự án: ...

1. Tình hình giải ngân:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu của Chủ đầu tư	Số liệu của cơ quan kiểm soát, thanh toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
1	Luỹ kế từ khởi công			
	- Vốn....			
	- Vốn....			
2	Chi tiết theo năm			
	Năm....			
	- Vốn....			
	- Vốn....			
	Năm.....			
	- Vốn....			
	- Vốn....			

2. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán:

2.1. Nhận xét về việc chấp hành các quy định của nhà nước liên quan đến thanh toán, quyết toán: ...

2.2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch số liệu (nếu có): ...

2.3. Kiến nghị: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ...

KÊ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối chiếu chi tiết vốn đã giải ngân đến thời điểm khóa sổ để lập báo cáo quyết toán của dự án.

Phụ lục
HƯỚNG DẪN LẬP CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Mẫu số 14/QTDA:

- Điểm 1. Các văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu liên quan:

+ Cột 2: ghi theo trình tự thời gian của các văn bản liên quan đến toàn bộ quá trình, giai đoạn đầu tư của dự án, từ chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, quyết định phê duyệt thiết kế dự toán hoặc quyết định phê duyệt dự toán chi tiết và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), quyết định chỉ định thầu hoặc trúng thầu (nếu có), hồ sơ quyết toán hợp đồng, biên bản nghiệm thu; báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập (nếu có); kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước và các hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

+ Văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu liên quan được áp dụng theo các quy định của cơ chế đặc thù trong trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thực hiện theo cơ chế đặc thù.

- Điểm 2. Vốn đầu tư:

+ Cột 2: ghi chi tiết vốn đầu tư của dự án (loại vốn nào không có thì không ghi).

+ Cột 3: ghi theo số liệu trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc trong quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

+ Cột 4: ghi theo vốn kế hoạch được giao hoặc điều chỉnh của từng loại vốn.

+ Cột 5: ghi theo số liệu của bảng đối chiếu số liệu (theo biểu mẫu số 15/QTDA).

- Điểm 3. Chi phí đầu tư: là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.

- Điểm 4. Giá trị tài sản cố định mới tăng: ghi tổng giá trị tài sản dài hạn (cố định) được hình thành sau đầu tư của dự án.

- Điểm 5. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư: ghi giá trị chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản của dự án.

- Điểm 6. Giá trị tài sản ngắn hạn: ghi tổng giá trị tài sản ngắn hạn (nếu có) của dự án.

- Điểm 7. Giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: ghi giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng của dự án.

- Điểm 8. Tình hình giải ngân và công nợ của dự án đầu tư: Ghi chi tiết theo từng cá nhân, đơn vị thực hiện tương ứng với từng nội dung công việc, hợp đồng thực hiện.

- Điểm 9. Thuyết minh, nhận xét, kiến nghị: thuyết minh ngắn gọn, ghi các ý kiến nhận xét và kiến nghị (nếu có).

2. Mẫu số 15/QTDA:

- Điểm 1. Tình hình giải ngân:

+ Cột 2: ghi chi tiết từng loại vốn được bố trí theo từng năm.

+ Cột 3: do chủ đầu tư ghi toàn bộ số vốn giải ngân cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án tính đến thời điểm khoá sổ để lập báo cáo quyết toán.

+ Cột 4: do cơ quan kiểm soát, thanh toán ghi (yêu cầu ghi đúng số vốn đã giải ngân của dự án đầu tư trên sổ sách theo dõi).

- Điểm 2: do cơ quan kiểm soát, thanh toán ghi ý kiến (nếu có).

- Trường hợp dự án có nhiều cơ quan kiểm soát, thanh toán: chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án.
